SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CÀ MAU
TRƯỜNG THPT PHAN NGỌC HIỂN

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HKII – NĂM HỌC 2020 - 2021
MÔN LỊCH SỬ - KHỐI 12
Thời gian làm bài : 45 phút; (Đề có 40 câu)

Mã đề 501

Câu 1: Trong kế hoạch Na va , Pháp tập trung 44 tiểu đoàn quân cơ động tại:

A. Tây Nguyên. **B.** Quảng Trị.

C. Đồng Bằng Bắc Bộ. **D.** Vạn Tường.

Câu 2: Tại Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng (2/1951) Đảng ra hoạt động công khai với tên gọi:

A. Đông dương cộng sản Đảng. **B.** Đảng cộng sản Việt Nam.

C. Đảng lao động Việt Nam . **D.** Hội Việt Nam cách mạng thanh niên.

Câu 3: Đâu *không phải* là mục tiêu khi ta mở chiến dịch biên giới:

A. buộc Pháp đầu hàng kí hiệp định Giơnevơ.

B. mở rộng và củng cố căn cứ Việt Bắc.

C. khai thông biên giới Việt –Trung.

D. tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch.

Câu 4: Thắng lợi nào của quân dân Việt Nam đã buộc Mĩ phải tuyên bố rút quân Mĩ và quân đồng minh của Mĩ về nước?

A. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975.

B. Trận "Điện Biên Phủ" trên không năm 1972.

C. Hiệp định Pari năm 1973 về Việt Nam.

D. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1968.

Câu 5: 11h 30 phút ngày 30/4/1975 gắn liền với lịch sử dân tộc là ngày:

A. Pháp kí hiệp định Giơnevơ. **B.** Chiến dịch Hồ Chí Minh thắng lợi.

C. Quốc hội họp phiên đầu tiên. **D.** Hoa kì kí hiệp định Pari.

Câu 6: Trong giai đoạn 1965 – 1968, đế quốc Mĩ đã thực hiện chiến lược chiến tranh nào ở miền Nam Việt Nam?

A. Chiến tranh Đơn phương. **B.** Chiến tranh Đặc biệt.

C. Việt Nam hóa chiến tranh . **D.** Chiến tranh cục bộ.

Câu 7: Với thắng lợi trong trận Phước Long (1/1975) chứng tỏ rằng:

A. Ta chưa đủ mạnh để mở các chiến dịch giải phóng Miền nam.

B. Quân đội Sài gòn đã tan rã hoàn toàn.

C. Sự suy yếu của quân đội Sài Gòn.

D. Mĩ sẽ can thiệp bằng quân sự trở lại ở Việt Nam.

Câu 8: Sự kiện đánh dấu bước phát triển của cách mạng Miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công:

A. Chiến thắng Ấp Bắc. **B.** Chiến thắng Bình Gĩa.

C. Phong trào Đồng khởi. **D.** Chiến thắng Vạn Tường.

Câu 9: Với kết quả thắng lợi của kì họp Quốc hội khóa VI nước Việt Nam thống nhất chứng tỏ:

A. Đất nước thống nhất về mặt nhà nước.

B. nước ta trở thành thành viên của Liên hợp quốc.

C.chiến dịch đánh vào Sài Gòn đã thắng lợi.

D. ta đã đánh cho Mĩ cút hoàn toàn.

Câu 10: Đánh giá về tình hình Việt Nam sau đại thắng mùa xuân năm 1975:

A. Hoàn thành cách mạng vô sản.

B. Hoàn thành thống nhất trên mọi lĩnh vực.

C. Hoàn thành cách mạng XHCN.

D. Hoàn thành thống nhất lãnh thổ.

Câu 11: Chiến dịch kết thúc thắng lợi cho tổng tiến công nổi dậy xuân 1975 là:

A. chiến dịch Tây Nguyên. **B.** chiến dịch Hồ Chí Minh.

C. chiến dịch Huế- Đà Nẵng. **D.** chiến dịch đường 14 Phước Long.

Câu 12: Tinh thần "một tất không đi, một li không rời"là quyết tâm của nhân dân Miền Nam chống lại:

A. giặc đói,giặc dốt,ngoại xâm. **B.** chiến tranh phá hoại Miền Bắc.

C. chống và phá "ấp chiến lược". **D.** chính sách tố cộng, diệt cộng.

Câu 13: Điểm tương đồng trong các loại hình chiến tranh mà mĩ tiến hành ở Việt nam từ năm 1961-1972 là:

A. quân chủ lực là quân Mĩ. **B.** quân chủ lực là quân Sài Gòn .

C. chiến tranh thực dân kiểu mới. **D.** tiến hành phá hoại Miền Bắc.

Câu 14: Lực lượng chủ yếu tham gia trong Việt Nam hóa chiến tranh của Mĩ là:

A. quân Mĩ và quân đồng minh. **B.** quân đội Mĩ.

C. quân đội Sài Gòn. **D.** quân Mĩ và quân đội Sài Gòn.

Câu 15: Buộc Mĩ tuyên bố "Mĩ hoá" trở lại chiến tranh xâm lược, phải thừa nhận thất bại của chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh", đó là ý nghĩa của:

A. cuộc Tiến công chiến lược năm 1972.

B. đánh bại chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của Mĩ ở Miền Bắc.

C. thắng lợi 12 ngày đêm tại Hà Nội, Hải Phòng.

D. cuộc tổng tiến công và nổi dậy Mậu Thân năm 1968.

Câu 16: Hiệp định Pari năm 1973 là văn bản pháp lý quốc tế ghi nhận:

A. quyền tự do,dân chủ của nước Việt Nam

B. quyền chuyển quân tập kết theo giới tuyến quân sự tạm thời.

C. các quyền dân tộc cơ bản của nước Việt Nam.

D. quyền tổ chức Tổng tuyển cử,chuyển quân tự do.

Câu 17: Chiến thắng Vạn Tường (Quảng Ngãi) vào ngày 18 - 8 - 1965, chứng tỏ:

A. quân dân miền Nam đủ sức đánh bại quân Mĩ.

B. lực lượng vũ trang miền Nam đã trưởng thành nhanh chóng.

C. quân viễn chinh Mĩ đã mất khả năng chiến đấu.

D. cách mạng miền Nam đã đánh bại "Chiến tranh cục bộ " của Mĩ.

Câu 18: Nguyên nhân có tính chất quyết định đưa tới thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước:

A. có hậu phương vững chắc ở miền Bắc xã hội chủ nghĩa.

B. sự giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa.

C. nhân dân ta có truyền thống yêu nước nồng nàn.

D. sự lãnh đạo đúng đắn và sáng suốt của Đảng.

Câu 19: Sau khi Hiệp định Pari năm 1973, tình hình miền Nam Việt Nam như thế nào?

A. Mĩ đã "cút" nhưng ngụy chưa "nhào".

B. Cả Mĩ ngụy đều bị thất bại hoàn toàn.

C. Ta kết thúc thắng lợi về quân sự và ngoại giao.

D. Ta đã giành thắng lợi mở màn ở Tây Nguyên.

Câu 20: Điểm chung trong các chiến dịch quân sự của ta trong cuộc kháng chiến chống Pháp (1945-1954) là:

A. bảo vệ cơ quan đầu não kháng chiến của ta.

B. làm lung lay ý chí xâm lược của Pháp.

C. củng cố mở rộng căn cứ Việt Bắc.

D. nhằm tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch.

Câu 21: Một trong những điểm chung giữa hiệp định Giơnevơ và Pari là:

A. Giải phóng Miền Bắc từ vĩ tuyến 17.

B. Chứng tỏ nước ta hoàn toàn độc lập,thống nhất.

C. Được ký kết sau thắng lợi quân sự lớn của ta.

D. Giải phóng hoàn toàn Miền Nam .

Câu 22: Nguyên nhân *khách quan* dẫn đến thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ là:

A. Sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng,của Bác Hồ.

B. Tinh thần đoàn kết, chiến đấu dũng cản của dân ta.

C. Sự đoàn kết của ba nước Đông Dương.

D. Hậu phương miền Bắc ngày càng lớn mạnh.

Câu 23: kỳ họp Quốc hội khóa VI (1976) quyết định đổi tên Sài Gòn- Gia Định thành:

A. Thành phố Sài Gòn. **B.** Thành phố Gia Định.

C. Thành phố Hồ Chí Minh. **D.** Thủ đô Hà Nội.

Câu 24: Thắng lợi quân sự nào được xem là trận đánh" trinh sát chiến lươc" của quân ta?

A. Chiến thắng Ấp Bắc. **B.** Chiến dịch Tây Nguyên.

C. Chiến thắng Phước Long. **D.** Chiến dịch Hồ Chí Minh.

Câu 25: Mở đầu cuộc tổng tiến công chiến lược 1972, quân ta tấn công vào:

A. Đông Nam Bộ. **B.** Quảng Trị. **C.** Tây Nguyên. **D.** Nam Trung Bộ.

Câu 26: Năm 1953, thực dân Pháp đề ra kế hoạch Nava nhằm mục đích:

A. quốc tế hóa chiến tranh Đông Dương.

B. kết thúc chiến tranh trong danh dự.

C. khóa chặt biên giới Việt - Trung.

D. cô lập căn cứ địa Việt Bắc.

Câu 27: Một trong những lí do buộc Mĩ phải chấp nhận thương lượng , và đàm phán với Việt Nam ở Hội nghị Pari:

A. bị thất bại trong cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai.

B. bị đánh bất ngờ trong cuộc tập kích vào Tết Mậu Thân 1968.

C. bị thất bại trong chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ nhất.

D. bị thua trong cuộc tập kích 12 ngày đêm đánh phá miền Bắc.

Câu 28: Con đường cách mạng đươc xác định trong hội nghị Ban Chấp Hành Trung Ương Đảng lần 21 (7/1973) là :

A. Đấu tranh chính trị. **B.** Đấu tranh ngoại giao.

C. Cách mạng vũ trang. **D.** Cách mạng bạo lực.

Câu 29: Điều khoản nào dưới đây *không* nằm trong Hiệp định Pari năm 1973 về Việt Nam?

A. Nhân dân miền Nam tự quyết định tương lai chính trị.

B. Hoa Kì rút hết quân viễn chinh và quân các nước đồng minh.

C. Hoa Kì chuyển toàn bộ quân đội ra miền BắcViệt Nam.

D. Các bên thừa nhận thực tế ở miền Nam có hai chính quyền.

Câu 30: Sự kiện nào là mốc đánh dấu bước ngoặt cuộc kháng chiến,ta giành quyền chủ động trên chiến trường chính Bắc Bộ :

A. Chiến dịch Việt Bắc năm 1947. **B.** Hiệp định Giơnevơ được kí kết.

C. Chiến dịch Biên giới năm 1950. **D.** Chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954.

Câu 31: Chiến dịch Tây Nguyên thắng lợi, cuộc kháng chiến chống Mỹ của nhân dân ta chuyển sang giai đoạn:

A. tiến công chiến lược. **B.** phòng ngự chiến lược.

C. tổng tiến công chiến lược. **D.** phản công chiến lược.

Câu 32: Thực dân Pháp thực hiện kế hoạch Rơve 1949 ở Đông Dương nhằm mục đích:

A. cô lập căn cứ địa Việt Bắc,tiêu diệt cơ qua đầu não của ta.

B. khoá biên giới Việt Trung, thiết lập hành lang Đông Tây.

C. mở một cuộc tiến công quy mô lớn vào căn cứ địa Việt Bắc.

D. nhận được viện trợ về tài chính và quân sự của Mĩ.

Câu 33: Thắng lợi quân sự kết thúc cuộc kháng chiến chống Mĩ,cứu nước là:

A. chiến dịch Huế - Đà Nẵng. **B.** chiến dịch Hồ Chí Minh.

C. chiến dịch Biên Giới. **D.** chiến dịch Tây Nguyên.

Câu 34: Kết quả lớn nhất của cuộc tiến công chiến lược Đông - Xuân 1953 - 1954 là:

A. làm thất bại âm mun đánh nhanh thang nhanh của Pháp - Mĩ.

B. làm phá sản hoàn toàn kế hoạch Rơve cùa Pháp .

C. làm thất bại âm mưu bình định, mở rộng chiếm đóng của Pháp.

D. làm phá sản bước đầu kế hoạch Nava của Pháp.

Câu 35: Chiến thắng nào của ta mở ra cao trào " tìm Mĩ mà đánh lùng Ngụy mà diệt?

A. Chiến thắng Biên giới năm 1950. **B.** Chiến thắng Vạn Tường.

C. Chiến thắng Ấp Bắc. **D.** Chiến thắng Phước Long năm 1974.

Câu 36: Phong trào "Đồng Khởi"năm 1960 ở miền Nam đã góp phần đánh bại loại hình chiến tranh nào của Mĩ:

A. Chiến tranh cục bộ. **B.** Chiến tranh đơn phương..

C. Việt Nam hoá chiến tranh. **D.** Chiến tranh đặc biệt.

Câu 37: Hai chiến lược chiến tranh mà Mĩ đều tiến hành kết hợp đánh phá Miền Bắc nước ta là:

A. Chiến tranh đơn phương và đặc biệt.

B. Chiến tranh Đặc biệt và cục bộ.

C. Chiến tranh đơn phương và cục bộ.

D. Chiến tranh cục bộ và Việt nam hóa.

Câu 38: Khi được cử sang làm tổng chỉ huy quân viễn chinh của Pháp ở Đông Dương, Nava *không* có hành động nào dưới đây?

A. Dự kiến trong 18 tháng giành thắng lợi về quân sự.

B. Lập tức xây dựng Điện Biên Phủ thành tập đoàn cứ điểm mạnh.

C. Tập trung lực lượng ở đồng bằng Bắc Bộ.

D. Thực hiện kế hoạch phòng ngự miền Bắc, tấn công miền Nam.

Câu 39: Thắng lợi quân sự nào buộc Pháp phải kí kết hiệp định Giơnevơ với ta ?

A. Chiến thắng Điện Biên Phủ năm 1954.

B. Chiến thắng Biên giới năm 1950.

C. Chiến thắng Phước Long năm 1974.

D. Chiến dịch Hồ Chí Minh thắng lợi.

Câu 40: Tình hình nước ta sau cuộc kháng chiến chống Mĩ,cứu nước năm 1975 là:

A. Miền nam hoàn toàn giải phóng.

B. Miền Bắc nam chưa được giải phóng.

C. cả nước tiếp tục kháng chiến chống Mĩ.

D. Miền nam chưa được giải phóng.

------ HẾT ------

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CÀ MAU

TRƯỜNG THPT PHAN NGỌC HIỂN

KIỂM TRA CUỐI HKII – NĂM HỌC 2020 - 2021

MÔN LỊCH SỬ - KHỐI LỚP 12

Thời gian làm bài : 45 phút

Phần đáp án câu trắc nghiệm:

Câu	*501*	*602*	*703*	*804*
1	**C**	**B**	**A**	**C**
2	**C**	**D**	**D**	**B**
3	**A**	**A**	**B**	**D**
4	**C**	**B**	**B**	**B**
5	**B**	**D**	**C**	**C**
6	**D**	**C**	**A**	**A**
7	**C**	**D**	**D**	**C**
8	**C**	**D**	**C**	**B**
9	**A**	**B**	**A**	**B**
10	**D**	**C**	**C**	**C**
11	**B**	**C**	**C**	**D**
12	**C**	**C**	**D**	**B**
13	**C**	**A**	**C**	**C**
14	**C**	**A**	**A**	**B**
15	**A**	**A**	**C**	**B**
16	**C**	**D**	**D**	**B**
17	**A**	**A**	**D**	**D**
18	**D**	**C**	**C**	**C**
19	**A**	**A**	**C**	**C**
20	**D**	**B**	**C**	**A**
21	**C**	**A**	**D**	**D**
22	**C**	**A**	**A**	**C**
23	**C**	**C**	**C**	**A**
24	**C**	**B**	**D**	**A**
25	**B**	**B**	**C**	**A**

26	**B**	**C**	**D**	**C**
27	**B**	**D**	**B**	**B**
28	**D**	**B**	**C**	**A**
29	**C**	**D**	**D**	**D**
30	**C**	**C**	**A**	**D**
31	**C**	**D**	**C**	**C**
32	**B**	**B**	**D**	**A**
33	**B**	**C**	**C**	**D**
34	**D**	**A**	**A**	**D**
35	**B**	**A**	**B**	**C**
36	**B**	**B**	**D**	**A**
37	**D**	**D**	**C**	**A**
38	**B**	**B**	**A**	**D**
39	**A**	**C**	**A**	**A**
40	**A**	**C**	**D**	**B**